

Đ/c Vân soạn giảng

LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu:

- Thực hiện được phép chia hai phân số.
- Biết tìm thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia phân số.
- Học sinh tự giác làm bài, yêu thích môn học.

II. Đồ dùng dạy học:

- GV: Bảng phụ,, phiếu học tập.
- HS: SGK Toán 4, vở ghi.

III. Các hoạt động dạy học :

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	I. Kiểm tra bài cũ:	- Gọi 2 HS lên bảng tính: $\frac{4}{5} \times \frac{43}{35} : \frac{3}{4}$ - Nhận xét, đánh giá.	- 2 HS lên bảng thực hiện, cả lớp làm ra nháp. - Theo dõi nhận xét bài làm của bạn.
33'	II. Bài mới: 1. Giới thiệu bài: 2. Hướng dẫn làm bài tập: * Bài 1: - Thực hiện tốt phép chia hai phân số.	- Trong giờ học này các em sẽ cùng làm các bài tập về phép nhân phân số, phép chia phân số, áp dụng phép nhân, phép chia phân số để giải các bài toán có liên quan. - GV ghi bảng: Luyện tập - Đọc bài 1. - Bài tập yêu cầu làm gì? - GV nhắc cho HS khi rút gọn phân số phải rút gọn đến khi được phân số tối giản. - Hỏi: Nêu cách chia 2 phân số?	- HS lắng nghe. - HS ghi bài. - HS đọc. - Tính rồi rút gọn. - Lấy phân số thứ nhất nhân

	<p>* Bài 2 -Tìm thành phần chưa biết của phép tính.</p>	<p>- GV yêu cầu cả lớp làm bài. + Phần a làm phiếu học tập.</p> <p>+ Phần b làm vào vở.</p> <p>- GV chữa, nhận xét đánh giá bài làm của HS.</p> <p>- Đọc bài 2. - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - Trong phần a), x là gì của phép nhân? - Khi biết tích và một thừa số, muốn tìm thừa số chưa biết ta làm như thế nào? - Nêu cách tìm x trong phần b.</p>	<p>với phân số thứ hai đảo ngược.</p> <p>+ a, HS làm phiếu học tập,3 HS làm bảng lớp.</p> $\frac{3}{5} : \frac{3}{4} = \frac{3}{5} \times \frac{4}{3} = \frac{12}{15} = \frac{4}{5}$ $\frac{2}{5} : \frac{3}{10} = \frac{2}{5} \times \frac{10}{3} = \frac{20}{15} = \frac{4}{3}$ $\frac{9}{8} : \frac{3}{4} = \frac{9}{8} \times \frac{4}{3} = \frac{36}{24} = \frac{3}{2}$ <p>+ b, HS làm bài vào vở, đổi chéo và kiểm tra kết quả.</p> $\frac{1}{4} : \frac{1}{2} = \frac{1}{4} \times \frac{2}{1} = \frac{2}{4} = \frac{1}{2}$ $\frac{1}{8} : \frac{1}{6} = \frac{1}{8} \times \frac{6}{1} = \frac{6}{8} = \frac{3}{4}$ $\frac{1}{5} : \frac{1}{10} = \frac{1}{5} \times \frac{10}{1} = \frac{10}{5} = 2$ <p>- 1 HS đọc. - Tìm x. - x là thừa số chưa biết. - Ta lấy tích chia cho thừa số đã biết. - x là số chưa biết trong phép chia. Muốn tìm số chia chúng ta lấy số bị chia chia cho thương. - HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào phiếu học tập.</p>
--	--	--	---

		<p>- Yêu cầu HS làm bài vào phiếu học tập, 2 bạn làm trên bảng lớp.</p>	<p>- 2 HS lên bảng làm bài.</p> <p>a) $\frac{3}{5} \times x = \frac{4}{7}$ $x = \frac{4}{7} : \frac{3}{5}$ $x = \frac{20}{21}$</p> <p>b) $\frac{1}{8} : x = \frac{1}{5}$ $x = \frac{1}{8} : \frac{1}{5}$ $x = \frac{5}{8}$</p>
	<p>* Bài 3 - Thực hiện tốt phép nhân hai phân số.</p>	<p>- GV nhận xét, chữa bài, đánh giá. - Đọc bài 3. - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - Hỏi: Nêu cách nhân 2 phân số? - GV yêu cầu HS tự tính.</p>	<p>- Cả lớp nhận xét đối chiếu kết quả.</p> <p>- HS đọc. - Tính .</p> <p>- Muốn nhân hai phân số, ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số. - HS làm bài vào vở bài tập.</p> <p>a, $\frac{2}{3} \times \frac{3}{2} = \frac{6}{6} = 1$</p> <p>b, $\frac{4}{7} \times \frac{7}{4} = \frac{28}{28} = 1$</p> <p>c, $\frac{1}{2} \times \frac{2}{1} = \frac{2}{2} = 1$</p>
		<p>- GV chữa bài sau đó hỏi: +Phân số $\frac{3}{2}$ được gọi là gì của phân số $\frac{2}{3}$?</p>	<p>+ Phân số $\frac{3}{2}$ được gọi là phân số đảo ngược của phân số $\frac{2}{3}$.</p>

3'	III. Cũng cố, dặn dò:	<p>+ Khi lấy $\frac{2}{3}$ nhân với $\frac{3}{2}$ thì kết quả sẽ là bao nhiêu?</p> <p>- GV hỏi tương tự với phần b, c.</p> <p>-GV hỏi: Vậy khi nhân một phân số với phân số đảo ngược của nó thì được kết quả là bao nhiêu?</p> <p>- Tiết học vừa rồi các em được học bài gì?</p> <p>- Khi biết tích và một thừa số, muốn tìm thừa số chưa biết ta làm như thế nào?</p> <p>- GV tổng kết giờ học.</p> <p>- HS về nhà chuẩn bị bài sau.</p>	<p>+ Kết quả là 1.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>-Khi nhân một phân số với phân số đảo ngược của nó thì kết quả sẽ là 1.</p> <p>- HS trả lời: Luyện tập</p> <p>- Ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.</p> <p>-Lắng nghe, thực hiện.</p>
----	------------------------------	--	--

Tiết 1

Mĩ thuật
Đ/c Tùng soạn giảng

Tiết 2

Toán

LUYỆN TẬP

I. Mục tiêu

- Thực hiện được phép chia hai phân số, chia số tự nhiên cho phân số.
- Giải các bài toán có liên quan.
- Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Bảng phụ.
- Học sinh: VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1. Kiểm tra bài cũ:	1. Kiểm tra bài cũ - Gọi HS lên bảng tính: $(\frac{4}{7} + \frac{9}{4}) : \frac{4}{7}$ - GV nhận xét, đánh giá.	- 1 HS lên bảng. - Nhận xét .
33'	2. Bài mới: 2.1. Giới thiệu bài 2.2. Hướng dẫn HS luyện tập *Bài 1. - Tính rồi rút gọn.	- Ghi đầu bài lên bảng. - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? - Yêu cầu HS làm bài.	- Lắng nghe, ghi bài. - Tính rồi rút gọn. - 4 HS lên bảng làm bài. a) $\frac{2}{7} : \frac{4}{5} = \frac{2}{7} \times \frac{5}{4} = \frac{10}{28} = \frac{5}{14}$ b) $\frac{3}{8} : \frac{9}{4} = \frac{3}{8} \times \frac{4}{9} = \frac{12}{72} = \frac{1}{6}$ c) $\frac{8}{21} : \frac{4}{7} = \frac{8}{21} \times \frac{7}{4} = \frac{56}{84} = \frac{14}{21}$ d) $\frac{5}{8} : \frac{15}{8} = \frac{5}{8} \times \frac{8}{15} = \frac{40}{120} = \frac{1}{3}$
	*Bài 2. Tính (theo mẫu)	- GV nhận xét, chữa bài. - GV viết bài mẫu lên bảng, yêu cầu HS viết 2 thành phân số, sau đó thực hiện phép tính.	- 2 HS thực hiện trên bảng lớp. $2 : \frac{3}{4} = \frac{2}{1} : \frac{3}{4} = \frac{2}{1} \times \frac{4}{3} = \frac{8}{3}$

3'	3. Củng cố, dặn dò	<ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét, sau đó giới thiệu cách viết gọn.- Yêu cầu HS làm bài vào vở. <ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét, chữa bài.- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau.	<ul style="list-style-type: none">- Theo dõi và làm: $2: \frac{3}{4} = \frac{2 \times 4}{3} = \frac{8}{3}$- Làm bài. a) $3: \frac{5}{7} = \frac{3 \times 7}{5} = \frac{21}{5}$ b) $4: \frac{1}{3} = \frac{4 \times 3}{1} = \frac{12}{1} = 12$ c) $5: \frac{1}{6} = \frac{5 \times 6}{1} = \frac{30}{1} = 30$ <p style="text-align: center;">-Lắng nghe, thực hiện.</p>
----	---------------------------	---	---

Tiết 1

Thử dực

Đ/c Thương soạn giảng

Tiết 2

Toán

LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu

- Thực hiện được phép chia hai phân số.
- Biết cách tính và viết gọn phép chia một phân số cho một số tự nhiên.
- Biết tìm phân số của một số.
- Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Bảng phụ.
- Học sinh: VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1.Kiểm tra bài cũ:	1. Kiểm tra bài cũ - Gọi HS lên bảng tính: $(\frac{9}{7} - \frac{1}{9}) : \frac{1}{9}$ - GV nhận xét, đánh giá.	- 1 HS lên bảng.
33'	2.Bài mới: 2.1. Giới thiệu bài	-Ghi đầu bài lên bảng.	-Lắng nghe, ghi bài.

3'	3. Củng cố, dặn dò	<ul style="list-style-type: none">- Tính chiều rộng của mảnh vườn như thế nào?- Yêu cầu HS thực hiện tính chiều rộng, sau đó tính chu vi và diện tích của mảnh vườn. - GV nhận xét, đánh giá.- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau.	<ul style="list-style-type: none">- Chiều rộng của mảnh vườn là: $60 \times \frac{3}{5}$- 1 HS lên bảng làm bài. <i>Bài giải</i> Chiều rộng của mảnh vườn là: $60 \times \frac{3}{5} = 36(m)$ Chu vi của mảnh vườn là: $(60 + 36) \times 2 = 192 (m)$ Diện tích của mảnh vườn là: $60 \times 36 = 2160 (m^2)$ Đáp số: Chu vi: 192 m Diện tích: 2160 m²-Lắng nghe, thực hiện.
----	---------------------------	--	---

Tiết 1

Thế dục
Đ/c Thương soạn giảng

Tiết 2

Toán
LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu

- Thực hiện được các phép tính với phân số.
- Giải các bài toán liên quan.
- Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Bảng phụ.
- Học sinh: VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1.Kiểm tra bài cũ:	- Gọi HS lên bảng tính: $\frac{4}{7} \times \frac{1}{8} + \frac{1}{2}$	- 1 HS lên bảng.
33'	2.Bài mới: 2.1. Giới thiệu bài 2.2. Hướng dẫn HS luyện tập *Bài 1. - Tính	-Ghi đầu bài lên bảng. - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS làm bài phần a), b). - GV nhận xét, chữa bài. - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS làm bài phần a), b) vào vở.	-Lắng nghe, ghi bài. -Đọc. - 2 HS lên bảng làm bài. a) $\frac{2}{3} + \frac{4}{5} = \frac{10}{15} + \frac{12}{15} = \frac{22}{15}$ b) $\frac{5}{12} + \frac{1}{6} = \frac{5}{12} + \frac{2}{12} = \frac{7}{12}$
	*Bài 2. Tính	- GV nhận xét, đánh giá. - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS làm bài phần a), b) vào vở.	-Đọc. - 2 HS làm bài. a) $\frac{23}{5} - \frac{11}{3} = \frac{69}{15} - \frac{55}{15} = \frac{14}{15}$ b) $\frac{3}{7} - \frac{1}{14} = \frac{6}{14} - \frac{1}{14} = \frac{5}{14}$
	*Bài 3. Tính	- GV nhận xét, đánh giá. - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS làm bài	-Đọc. - 2 HS lên bảng làm bài.

		phần a), b).	a) $\frac{3}{4}x\frac{5}{6} = \frac{3x5}{4x6} = \frac{15}{24} = \frac{5}{8}$ b) $\frac{4}{5}x13 = \frac{4x13}{5} = \frac{52}{5}$
	*Bài 4. Tính	- GV nhận xét, đánh giá - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS làm bài phần a), b).	-Đọc - 2 HS lên bảng làm bài. a) $\frac{8}{5}:\frac{1}{3} = \frac{8}{5}x\frac{3}{1} = \frac{24}{5}$ b) $\frac{3}{7}:2 = \frac{3}{7x2} = \frac{3}{14}$
3'	3. Củng cố, dặn dò	- GV nhận xét, đánh giá. - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau.	-Lắng nghe, thực hiện.

Tiết 1

Toán
LUYỆN TẬP CHUNG

I. Mục tiêu

- Thực hiện được các phép tính với phân số.
- Biết cách giải bài toán có lời văn.
- Tự giác làm bài.

II. Đồ dùng dạy học

- Giáo viên: Bảng phụ. Phiếu HT.
- Học sinh: VBT Toán.

III. Các hoạt động dạy học

TG	Nội dung	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
4'	1. Kiểm tra bài cũ:	- Gọi HS lên bảng tính: $\frac{1}{8}x\frac{5}{6} + \frac{5}{8}x\frac{2}{3}$ - GV nhận xét, đánh giá.	- 1 HS lên bảng.
33'	2. Bài mới: 2.1. Giới thiệu bài 2.2. Hướng dẫn HS luyện tập * Bài 1. - Tính	- Ghi đầu bài lên bảng. - Gọi HS đọc đề bài. - Yêu cầu HS trả lời. - GV nhận xét, chữa bài. a) Sai. Vì khi thực hiện phép cộng các phân số	- Lắng nghe, ghi bài. - Đọc. - Trả lời: b) Sai. Vì khi thực hiện phép trừ các phân số khác mẫu số ta không thể lấy tử số trừ tử

3'	3. Củng cố, dặn dò	<ul style="list-style-type: none">- GV nhận xét, đánh giá.- Nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau.	Đáp số: $\frac{6}{35}$ bể -Lắng nghe, thực hiện.
----	---------------------------	---	---